

Số: 2646/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách
nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 10 về phân bổ ngân sách địa
phương năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4255/STC-QLNS
ngày 15/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn
tỉnh Tây Ninh như sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN)..... 11.100.000 triệu đồng, gồm:
 - Thu nội địa 9.900.000 triệu đồng.
 - Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 1.200.000 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục I, I.1 và I.2)

- Tổng chi ngân sách địa phương (NSĐP) ... 11.169.354 triệu đồng, gồm:

- Chi cân đối NSĐP:..... 10.299.041 triệu đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 3.530.122 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 6.544.897 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi do địa phương vay 1.100 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương: 1.000 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 213.870 triệu đồng.
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương 8.052 triệu đồng.
- b) Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 870.313 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục II)

3. Tổng mức vay 11.100 triệu đồng.
Trong đó: vay bù đắp bội chi: 11.100 triệu đồng.

4. Chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương năm 2024 là 6.176 triệu đồng, bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư.

Điều 2.

1. Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh.

(Kèm theo phụ lục III, IV, IV.1 và IV2)

2. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương cho các huyện, thị xã, thành phố năm 2024.

(Kèm theo các phụ lục V, VI, VII và VII.1)

Điều 3. Triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

2. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi quản lý được giao, có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo quyết liệt có hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước; đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; tiếp tục triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; quản lý chặt chẽ đối tượng hoàn thuế đảm bảo đúng quy định của pháp luật; thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước; thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật;...; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, chặt chẽ, tránh gây thất thoát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu

trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, các khoản chi chưa thực sự cần thiết để bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bổ sung vốn cho đầu tư phát triển; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân nhưng thiếu vốn, hạn chế tối đa việc chuyển nguồn.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở phương án tự chủ tài chính được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Có giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đề xuất, công tác chuẩn bị, phê duyệt dự án ODA, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể cho từng giai đoạn thực hiện. Xem xét trách nhiệm trong xây dựng dự toán không sát thực tế, tổ chức thực hiện thiếu hiệu quả dẫn đến giải ngân vốn đầu tư công thấp. Nghiên cứu chế tài xử lý đối với các trường hợp trả lại kế hoạch vốn hàng năm do nguyên nhân chủ quan.

d) Sử dụng nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (bao gồm cả mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông), lĩnh vực y tế, phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

e) Tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương:

- Các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục thực hiện các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2024 theo quy định từ: một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, các khoản được loại trừ khi tính tăng thu dành để thực hiện cải cách tiền lương) dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023; nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 còn dư chuyển sang (nếu có); đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2024.

- Các huyện, thị xã, thành phố khi xác định tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2024 so với dự toán năm 2023 (không kể thu tiền sử dụng đất) để

tính chi tạo nguồn cải cách tiền lương, loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, gồm: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (nếu có); thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

3. Các huyện, thị xã, thành phố:

a) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối ngân sách địa phương và số bổ sung có mục tiêu giữa các cấp ngân sách ở địa phương. Chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách địa phương năm 2024 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển. Đối với phần tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2024 so với dự toán năm 2024 (nếu có), sau khi dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, địa phương thực hiện phân bổ theo quy định tại khoản 2, Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước.

Sử dụng phần kinh phí dành ra từ việc tiết kiệm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập của ngân sách địa phương, theo nguyên tắc: 50% bổ sung nguồn cải cách tiền lương theo quy định; 50% còn lại để ưu tiên chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng. Việc quyết định chi cho từng nội dung do địa phương quyết định theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

Chủ động bố trí ngân sách địa phương, nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ (nếu có) để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành theo quy định. Căn cứ kết quả thực hiện, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có báo cáo gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí cho ngân sách địa phương theo chế độ quy định.

b) Trong điều hành tài chính - ngân sách nhà nước năm 2024, trường hợp địa phương có nguồn thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình, rà soát, sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

c) Sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (nếu có), nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để: thực hiện chế độ, chính sách do Trung ương và tỉnh ban hành, đảm bảo phân bổ đúng chính sách, chế độ, chi trả kịp thời, đúng đối tượng; chi thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ thuộc trách nhiệm địa phương theo phân cấp; chi cho các lực lượng của địa phương tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn.

d) Đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, xử

lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn và đầu tư trang thiết bị kỹ thuật tương ứng với số thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm thuộc ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm tại địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

đ) Thực hiện sắp xếp các khoản chi để bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm trong năm 2024; bố trí kinh phí đầy đủ cho các chính sách đã ban hành.

e) Trong phân bổ ngân sách địa phương ưu tiên bố trí kinh phí triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn 2021-2025 thuộc trách nhiệm của ngân sách địa phương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách tại Điều 1 theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc phân bổ dự toán và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc và đơn vị sử dụng ngân sách tại Điều 2 theo đúng quy định. Căn cứ dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh triển khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 đến từng đơn vị sử dụng ngân sách trước ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tổ chức việc công khai dự toán ngân sách đúng quy định; Báo cáo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; Tổ chức thực hiện dự toán được giao theo đúng quy định.

3. Giao các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025:

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công tác quản lý, tổng hợp, điều hành các nhiệm vụ, kinh phí thực hiện các các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 kịp thời, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thực hiện.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được giao nhiệm vụ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: thực hiện rà soát, xác định nhiệm vụ và kinh phí thuộc dự toán ngân sách nhà nước được giao năm 2022 (bao gồm cả vốn năm 2021 được chuyển nguồn sang năm 2022), năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) được chuyển nguồn sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện đảm bảo theo đúng quy định, tiến độ triển khai

và hiệu quả sử dụng kinh phí.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán và phân bổ ngân sách. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố giao dự toán ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp dưới; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Giám đốc Kho bạc nhà nước Tây Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng KT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng



DANH MỤC PHỤ LỤC
KEM QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

STT	Tên Phụ lục	Nội dung	Ghi chú
1	Phụ lục I	Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2024	
2	Phụ lục I.1	<i>Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2024 cho đơn vị: Cục Thuế Tây Ninh</i>	
3	Phụ lục I.2	<i>Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2024 cho đơn vị: Cục Hải quan Tây Ninh</i>	
4	Phụ lục II	Dự toán chi NSDP năm 2024	
5	Phụ lục III	Giao dự toán thu phí, lệ phí ngân sách tỉnh năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị	Dự toán giao cho từng đơn vị theo phụ lục chi tiết kèm theo
6	Phụ lục IV	Giao dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo từng lĩnh vực, từng cơ quan, đơn vị	
7	Phụ lục IV.1	<i>Chi tiết kinh phí theo nhiệm vụ được giao năm 2024 cho các đơn vị khởi tình</i>	
8	Phụ lục V	Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2024 cho các huyện, thị xã, thành phố	
9	Phụ lục VI	Giao dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024 cho các huyện, thị xã, thành phố	
10	Phụ lục VII	Dự toán bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu năm 2024 từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố	
11	Phụ lục VII.1	Dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Của đơn vị: **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
A. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ									
I. Tổng số thu phí, lệ phí phát sinh	49.030	-	-	-	-	49.030	-	-	
I.1. Tổng số thu phí phát sinh	45.850	-	-	-	-	45.850	-	-	
1. Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	30					30			
2. Phí thẩm định hoạt động đo đạc bản đồ.	6					6			
3. Phí cấp giấy xác nhận về đủ ĐK về BVMT trong nhập khẩu phế liệu.	2					2			
4. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	4.200					4.200			
5. Phí thẩm định đề án báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác sử dụng nước mặt.	80					80			
6. Phí thẩm định báo cáo ĐTM	110					110			



NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trở đến 1,8 trở và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trở	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trở đến 1,8 trở và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trở đến 1,8 trở và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
7. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	2					2			
8. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	20					20			
9. Phí Thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.	1.000					1.000			
10. Phí thẩm định hồ sơ cấp GCNQSDĐ	36.000					36.000			
11. Phí Khai thác tài liệu	500					500			
12. Phí giao dịch bảo đảm	3.900					3.900			
I.2. Tổng số thu lệ phí phát sinh	3.180	-	-	-	-	3.180	-	-	
1. Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	180					180			
2. Lệ phí cấp giấy CNQSDĐ, QSHD nhà, TS gắn liền với đất	3.000					3.000			
II. Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	32.170	-	-	-	-	32.170	-	-	-
Phí thẩm định hồ sơ cấp GCNQSDĐ	28.800					28.800			
Phí Khai thác tài liệu	250					250			
Phí giao dịch bảo đảm	3.120					3.120			
III. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	16.860	-	-	-	-	16.860	-	-	

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	59.213	1.386	237	-	1.155	57.821	57.590	231	
B.1. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	59.208	1.386	237	-	1.155	57.816	57.585	231	
I. Chi quản lý hành chính (Văn phòng Sở)	10.422	1.155	200	-	1.155	9.067	9.067	-	
- Số biên chế được giao	55								
- Tổng số chi	10.422	1.155	200	-	1.155	9.067	9.067	-	
+ Kinh phí tự chủ	8.700	1.155	171		1.155	7.374	7.374	0	
+ Kinh phí không tự chủ	1.722		29			1.693	1.693	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.1
II. Chi các sự nghiệp	48.786	231	37	-	-	48.749	48.518	231	
1. Sự nghiệp Kinh tế (Sự nghiệp kinh tế khác)	32.536	231	37	-	-	32.499	32.268	231	
*Số người làm việc trong đơn vị SN công lập	15								
1.1. Chi bộ máy sự nghiệp (Trung tâm Phát triển quỹ đất)	2.536	231	37	-	-	2.499	2.268	231	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	1.786	231	37			1.749	1.518	231	
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	750					750	750	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2



NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
1.2. Chi hoạt động sự nghiệp (Kinh phí không giao quyền tự chủ)	30.000	-	-	-	-	30.000	30.000	-	
+ Văn phòng Sở	30.000					30.000	30.000	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
2. Chi Sự nghiệp Môi trường	16.250	-	-	-	-	16.250	16.250	-	
* Chi hoạt động sự nghiệp:	16.250	-	-	-	-	16.250	16.250	-	
- Văn phòng Sở	4.850	-	-	-	-	4.850	4.850	-	
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	4.850					4.850	4.850	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
- Trung tâm Quan trắc	11.400	-	-	-	-	11.400	11.400	-	
+ Kinh phí giao quyền tự chủ	3.800					3.800	3.800	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
+ Kinh phí không giao quyền tự chủ	7.600					7.600	7.600	0	Chi tiết tại Phụ lục IV.2
B. CHI CÁC CTMTQG, CTMT, NHIỆM VỤ (Nguồn NSTW - Vốn trong nước)	5	-	-	-	-	5	5	-	
B.1. Chi các CTMTQG - CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	5	-	-	-	-	5	5	-	

NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	Nguồn tiết kiệm 10% chi TX	Nguồn CCTL từ nguồn thu HP, VP, SN	Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo mức lương 1,8 trđ	Dự toán NSNN giao năm 2024	Gồm		Ghi chú
							Dự toán NSNN giao năm 2024 (chưa bao gồm nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH)	Nguồn CCTL thực hiện nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 trđ đến 1,8 trđ và chính sách ASXH	
1	2	3	4	5	6	7=2-4-5-6	8=7-9	9=3-5-6	10
1. Quản lý hành chính	5	-	-	-	-	5	5	-	
<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	5	-	-	-	-	5	5	0	<i>Chi tiết tại Phụ lục IV.3</i>
Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.	5					5	5	0	

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).





Phụ lục IV.1

**KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO
CHO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG DỰ TOÁN NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2024	Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL	Dự toán 2024 thực giao (DT còn lại sau khi trích CCTL)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	1.722	293	29	1.693	
I	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	105		0	105	
II	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	1.617	293	29	1.588	
1	Kinh phí đối nội đối ngoại.	30	30	3	27	
2	Kinh phí cho CBCC làm đầu mối cho Ksoát TTHC	16		0	16	
3	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	110		0	110	
4	KP phục vụ công tác thu phí - lệ phí	60		0	60	
5	KP Đại hội Đảng bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc	0		0	0	
6	KP hoạt động thanh kiểm tra, xử lý VPHC ngành TNMT	223	223	22	201	
7	KP Trang phục Thanh tra	43		0	43	
8	KP hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống ISO theo TCVN 9001:2015	10		0	10	
9	KP hỗ trợ soạn thảo XD VBQPPL	20		0	20	
10	KP tham dự tòa tối cao, tòa cấp cao theo ủy quyền của UBND tỉnh giải quyết khiếu kiện về đất đai	40	40	4	36	
11	KP trang bị xe ô tô	1.065		0	1.065	

Phụ lục IV.2

KINH PHÍ THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CHO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
- DỰ TOÁN CHI CÁC SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (NGUỒN CÂN ĐỐI NSĐP - Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
	TỔNG CỘNG	47.000	0	0	47.000	
	I Sự nghiệp kinh tế (SN Kinh tế khác)	30.750	0	0	30.750	
1	Kinh phí xác định giá đất cụ thể	400		0	400	
2	Kinh phí Khoanh định, phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	410		0	410	
3	Dự án điều tra, đánh giá đất đai lần đầu tỉnh	20.000		0	20.000	
4	Kinh phí Dự án Đo đạc chỉnh lý, lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thị xã Hòa Thành và phường Hiệp Ninh, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh	8.690		0	8.690	
5	Hoạt động thu phí, lệ phí trong lĩnh vực khoáng sản	50		0	50	
6	Kinh phí Kiểm kê đất đai tỉnh Tây Ninh năm 2024	150		0	150	
7	Kinh phí Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	200		0	200	
8	Kinh phí Đo đạc, cắm mốc ranh đất Công ty cao su 1-5 Tây Ninh bàn giao về địa phương quản lý theo phương án sử dụng đất được duyệt	50		0	50	
9	Kinh phí Xây dựng Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ năm 2025-2029	50		0	50	
10	Kinh phí tổ chức đấu giá	750		0	750	
	II Sự nghiệp môi trường	16.250	0	0	16.250	



STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
II.1	<u>Văn phòng Sở - Kinh phí thực hiện nhiệm vụ môi trường (Kinh phí không tự chủ)</u>	<u>4.850</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>4.850</u>	
1	<u>Nhiệm vụ thường xuyên hàng năm</u>	<u>840</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>840</u>	
1.1	Tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tham quan học hỏi kinh nghiệm trong nước	60		0	60	
1.2	Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát và thu mẫu chất thải và phân tích làm cơ sở xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường.	120		0	120	
1.3	Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền và triển khai mô hình điểm phân loại rác tại nguồn cho các đơn vị cấp huyện, xã, các tổ chức chính trị - xã hội, các khu dân, tổ tự quản,...	200		0	200	
1.4	Thẩm định các loại hồ sơ môi trường	460	0	0	460	
a	<i>Kinh phí chi hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)</i>	70		0	70	
b	<i>Kinh phí chi hội đồng thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường</i>	390		0	390	
2	<u>Nhiệm vụ chuyển tiếp</u>	<u>1.352</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>1.352</u>	
2.1	Dự án: Điều tra, kiểm kê, xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	400		0	400	
2.2	Dự án: Điều tra, đánh giá hiện trạng phát sinh, quản lý chất thải nguy hại, chất thải y tế và xây dựng quy chế quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	852		0	852	
2.3	Các nhiệm vụ khác	100		0	100	
		<u>2.658</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>2.658</u>	
3	<u>Nhiệm vụ mới</u>					
3.1	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	1.420		0	1.420	
3.2	Xây dựng Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Tây Ninh	390		0	390	
3.3	Đề án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025	500		0	500	
3.4	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt	240		0	240	

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024	Trong đó		Dự toán NSNN giao năm 2024	Ghi chú
			Dự toán 2024 (dùng để trích CCTL)	Trích 10% CCTL		
A	B	1	2	3=2*10%	4=1-3	5
3.5	Lập báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025	10		0	10	
3.6	Xây dựng phần mềm quản lý thu và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	98		0	98	
		11.400	0	0	11.400	
II.2	<u>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường</u>					
1	Kinh phí tự chủ	3.800	0	0	3.800	
1.1	Kinh phí đặt hàng thực hiện Kế hoạch Quan trắc thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh	3.800		0	3.800	
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao (Kinh phí không tự chủ)	7.600	0	0	7.600	
2.1	Mua sắm thiết bị, hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa thiết bị, vật tư phục vụ vận hành các trạm quan trắc và trung tâm điều hành	1.350		0	1.350	
2.2	Kinh phí Vận hành trạm quan trắc tự động và Trung tâm điều hành ghi nhận dữ liệu	6.250		0	6.250	





Phụ lục IV.3

**CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP DỰ TOÁN NĂM 2024 CHO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Mã CTMT, DA	Tổng cộng	Chi QLHC	Gồm	Ghi chú
					QLNN	
A	B	C	1	2	3	4
	<u>TỔNG CỘNG</u>		5	5	5	
I	<u>NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG</u>					
II	<u>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>		5	5	5	
	<u>CTMTQG Xây dựng nông thôn mới</u>	00490	5	5	5	
	<i>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</i>	00502	5	5	5	
	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.		5	5	5	